

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/11/2019

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Cil Pam Ha Lan**.

- Ông **Âu Văn Nghị**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Chiến** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX-ST ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **An H**; Sinh năm: 1998

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông **Lã Th**; Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;

Trụ sở: Số 169 Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết Thắng** - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bạch Tr**; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch
Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 01 tháng 7 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà An H trình bày: Bà và ông Lã Th sau thời gian tìm hiểu thì quyết định đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện. Ông bà đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau hạnh phúc được một năm, đến đầu năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, ông Th không quan tâm đến vợ con, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2019 cho đến nay, ông Th đi đâu bà không rõ. Nay bà thấy rằng còn tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà và ông Lã Th

Về con chung: Ông bà có với nhau một người con chung là cháu Lã N sinh ngày 12/5/2015. Hiện nay bà đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N cháu phát triển tốt, bà đủ điều kiện nuôi con nên nếu ly hôn bà yêu cầu được nhận nuôi cháu Lã N và không yêu cầu ông Lã Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ông bà có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Nếu ly hôn, bà nhận trả toàn bộ số nợ này. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

Ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn Lã Th:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Lã Th nhiều lần nhưng ông Th không chấp hành, không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại các văn bản, tài liệu và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ trình bày:

Ông Lã Th, bà An H có vay nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay. Nay bà H và ông Th ly hôn nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà H, ông Th có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành. Về đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà An H và ông Lã Th ly hôn. Về con chung: Hiện nay cháu Lã N sinh ngày 12/5/2015 đang ở với mẹ là bà H, cháu phát triển tốt, bà H đủ điều kiện nuôi con nên giao cháu Lã N cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, ông Lã Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung ông bà có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Bà H nhận trả toàn bộ số nợ này. Do đó cần buộc bà An H trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền gốc là 20.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn ông Lã Th được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt; Nguyên đơn bà An H, người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Hương và ông Thanh qua thời gian tìm hiểu hai năm thì quyết định đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/01/2015. Do đó, xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà H là hợp pháp. Do cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cả hai không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không vun vén cho hạnh phúc gia đình, thường hay xảy ra cãi vã và ngày càng thường xuyên hơn làm cho mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt đến mức không thể hàn gắn được nên từ tháng 3 năm 2019 đến nay ông bà đã không còn chung sống với nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống vợ chồng ông Th, bà H không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà An H.

[3] **Về con chung:** Ông Lã Th và bà An H có với nhau một người con chung là cháu Lã N sinh ngày 12/5/2015. Hiện nay cháu N đang ở với bà H, phát triển tốt, bà N có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Trâm do đó cần giao cháu Trâm cho bà N tiếp tục, nuôi dưỡng cháu N, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] **Về tài sản chung:** Không có

[5] **Về nợ chung:** Ông Th, bà H có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ với tổng số tiền 20.000.000

đồng và lãi suất phát sinh. Nay bà H nhận trả toàn bộ số tiền vay nói trên nên buộc bà H trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ tổng số tiền gốc là 20.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay đã ký.

[6] **Về án phí:** Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bà An H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với trách nhiệm trả nợ chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà An H và bị đơn ông Lã Th được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lã N sinh ngày 12/5/2015 cho bà An H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ông Lã Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung: Buộc bà An H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ tổng tiền gốc 20.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng vay đã ký.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà An H phải nộp số tiền 300.000(Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với trách nhiệm thanh toán nợ nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà An H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003823 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà An H phải nộp thêm 1.000.000 đồng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đ;
- CC THADS H. Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã K, H. Đ
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Phượng